

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Lan;

Ông Lê Phú Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Tú L, sinh năm 1981; thường trú: 38/4 Trần Đại Nghĩa, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim P; thường trú: 348/9, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Bùi Quang N, sinh năm 1982; thường trú: 1234A, đường Quốc lộ 1K, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Anh Bùi Quang S, thường trú: 348/9, khu phố Châu Thới, phường B, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Tú L trình bày:

Chị Tạ Tú L và chị Nguyễn Thị Kim P là chị em dâu. Từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2019, chị P nhiều lần vay tiền chị L để làm vốn kinh doanh và mua xe ô tô trả góp. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 19/5/2018 chị P vay chị L 200 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, tổng tiền lãi 01 tháng là 6 triệu đồng. Việc thỏa thuận vay tiền thể hiện qua giấy vay tiền với nội dung: “Tôi tên là Nguyễn Thị Kim P có mượn của em Tạ Tú L 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng), lời 01 tháng 6 triệu đồng. Lấy ngày 19/5/2018”. Giấy này do chị P tự viết và ký tên. Chị P đã nhận tiền vay và trả cho chị L 16 tháng tiền lãi (trả đến hết tháng 9/2019). Tổng số tiền lãi chị L đã nhận của chị P là: 16 tháng x 6 triệu đồng = 96 triệu đồng.

Lần 2: Tháng 2/2019, chị P vay của chị L 30 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, tiền lãi mỗi tháng là 900.000 đồng. Tổng tiền lãi chị L đã nhận của chị P đến hết tháng 9/2019 là: 7 tháng x 900.000 đồng = 6.300.000 đồng.

Lần 3: Tháng 3/2019, chị P vay chị L 03 cây vàng, dạng nhẫn trơn (03 chiếc nhẫn), loại vàng 9999. Vàng này do chị L mua đã lâu năm không nhớ giá. Hai bên thỏa thuận tiền lãi 03 triệu đồng/tháng. Giá trị 03 cây vàng tại thời điểm chị L cho chị P vay khoảng 35 triệu đồng/cây, tổng giá trị 03 cây vàng là 105 triệu đồng. Chị P trả lãi đến tháng 9/2019, tổng tiền lãi là: 06 tháng x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Lần 4: Tháng 6/2019 chị P vay chị L 100 triệu đồng, tiền lãi 03 triệu đồng/tháng (3%). Chị P trả lãi đến tháng 9/2019, tổng tiền lãi là: 03 tháng x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Lần 5: Tháng 7/2019 chị P vay chị L 100 triệu đồng, tiền lãi 3 triệu đồng/tháng (3%), chị P trả lãi đến tháng 9/2019, tổng tiền lãi là: 02 tháng x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Lần 6: Tháng 8/2019 chị P vay chị L 100 triệu đồng, do lúc này chị P cần tiền gấp nên đồng ý trả lãi cho chị L với lãi suất 5 triệu đồng/ tháng (5%). Chị P trả lãi được 1 tháng với số tiền là 5 triệu đồng.

Lần 7: Tháng 9/2019 chị P vay chị L 60 triệu đồng, thỏa thuận lãi suất 5 triệu đồng/ tháng (5%). Chị P chưa trả được khoản tiền lãi nào.

Tổng cộng số tiền chị P vay chị L từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2019 là 590.000.000 đồng và 03 cây vàng 9999, trong đó 390 triệu đồng lãi suất 3%/tháng và 200 triệu đồng lãi 5%/tháng, 03 cây vàng lãi 3 triệu đồng/tháng. Tổng tiền lãi chị L thực nhận của chị P là 140.300.000 đồng.

Đối với những lần vay tiền từ tháng 2/2019 đến tháng 9/2019, giữa chị P và chị L không ghi giấy vay do là chỗ thân thiết. Đến ngày 15/3/2020, chị L đòi tiền chị P không trả nên chị L yêu cầu chị P ký Giấy mượn tiền ngày 15/3/2020. Theo đó, Giấy mượn tiền thể hiện chị P vay chị L số tiền là 590.000.000 đồng và 03 cây vàng, hẹn trong vòng 04 tháng sẽ thanh toán cho chị L đủ số tiền vay và

theo lãi suất do các bên thỏa thuận. Trong số tiền 590 triệu đồng có bao gồm cả số tiền 200.000.000 đồng vay vào tháng 5/2018.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay 590.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 10/2019 đến ngày Tòa án đưa ra xét xử theo mức lãi suất 1,6%/tháng. Đối với số vàng chị P vay thì chị L yêu cầu chị P trả lại giá trị 03 cây vàng 9999 tại thời điểm xét xử do chị L đã đòi chị P trả vàng nhiều lần nhưng chị P không trả. Giá vàng là 52.570.000 đồng/lượng, tổng giá trị 03 cây vàng là 157.710.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền lãi vay đã nhận vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định và tiền lãi cho vay vàng chị L đã nhận của chị P thì chị L tự nguyện trả lại cho chị P, khấu trừ vào số tiền vay gốc.

- Theo bản tự khai ngày 31/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Quang N trình bày:

Ngày 19/5/2018 vợ của anh là chị Tạ Tú L có cho chị Nguyễn Thị Kim P vay số tiền 200.000.000 đồng. Anh và anh Bùi Quang S là chồng chị P có mặt và đồng ý thỏa thuận lãi suất 3%/tháng (có giấy mượn tiền). Từ tháng 2/2019 đến tháng 9/2019 chị L cho chị P vay thêm 390 triệu đồng và 03 cây vàng. Từ tháng 10/2019 chị P không trả gốc và lãi, hai vợ chồng anh có trực tiếp qua nhà hỏi tiền nhưng anh chị chưa trả mà ký giấy xác nhận có mượn tổng số tiền là 590 triệu đồng và 03 cây vàng. Anh chị hứa 04 tháng sẽ trả hết gốc và lãi cho vợ chồng anh. Đến tháng 7/2020 anh gọi điện đòi tiền thì chị P xin thêm 02 tháng để trả, đến tháng 9/2020 chị L gọi điện đòi tiền thì chị P trả lời khi nào bán được nhà sẽ trả, tuy nhiên không xác định rõ thời gian trả. Nay anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Tú L.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Quang S: Anh chị đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên chị P và anh S không lên Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo thông báo của Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Quang S đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 12-4-2021 và ngày 29-4-2021 nhưng đều vắng mặt. Anh Bùi Quang N đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị P, anh S, anh N là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ, đề nghị Hội đồng xem xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Quang S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Quang N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh S, anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn khai cho bị đơn vay nhiều lần, tổng số tiền là 590.000.000 đồng và 03 cây vàng. Lần vay tiền đầu tiên vào ngày 19/5/2018 và ngày 15/3/2020 hai bên đã thống nhất chốt lại tổng số nợ đồng thời ký kết giấy vay tiền gộp chung các khoản vay trước đó. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản chính 02 giấy vay tiền vào ngày 19/5/2018, ngày 15/3/2020 có chữ ký, họ tên chị Nguyễn Thị Kim P. Nội dung giấy vay tiền ngày 15/3/2020 không thể hiện tổng số tiền 590.000.000 đồng và 03 cây vàng bao gồm cả những khoản vay trước đó (trong đó có khoản vay ngày 19/5/2018) nhưng nguyên đơn tự thừa nhận là có lợi cho bị đơn. Tại giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ loại vàng cho vay, tuy nhiên nguyên đơn khai loại vàng nhẫn trơn 9999. Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị Kim P không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó xác định giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có giao dịch vay tài sản gồm tiền 590.000.000 đồng và 03 cây vàng, loại vàng nhẫn 9999.

[3] Nội dung giấy vay tiền ngày 19/5/2018 thể hiện: “Tôi tên là Nguyễn Thị Kim P có mượn của em Tạ Tú L 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng), lời 01 tháng 6 triệu đồng. Lấy ngày 19/5/2018”. Giấy mượn tiền ngày 15/3/2020 có nội dung: “Tôi tên là Nguyễn Thị Kim P...có vay của Tạ Tú L số tiền Năm trăm chín mươi triệu đồng chẵn và 03 cây vàng. Lý do mượn: Kẹt vốn làm ăn. Hẹn trong vòng 4 (bốn) tháng sẽ trả đủ số tiền đã mượn trên...”. Như vậy hai bên thỏa thuận thời hạn trả lại tiền và vàng vay là 4 (bốn) tháng kể từ ngày 15/3/2020, tức ngày 15/7/2020. Nguyên đơn và chồng là anh Bùi Quang N thừa nhận đã cho gia hạn thời hạn trả nợ thêm 02 tháng (đến 15/9/2020) nhưng đến nay chị P vẫn chưa trả lại tài sản vay cho bên cho vay là vi phạm nghĩa vụ hai bên thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay là 590.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra nguyên đơn xác định chị đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả lại vàng nhưng bị đơn không trả. Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn không có văn bản trình bày thể hiện ý chí trả lại tài sản cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả lại giá trị của 03 cây vàng, loại vàng 9999 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về giá vàng nguyên đơn đưa ra phù hợp với giá vàng niêm yết tại thời điểm xét xử. Do đó, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn giá trị 03 cây vàng, thành tiền: $52.570.000 \text{ đồng} \times 03 = 157.710.000 \text{ đồng}$. Tổng nợ gốc là: $590.000.000 \text{ đồng} + 157.710.000 \text{ đồng} = 747.710.000 \text{ đồng}$.

[4] Về lãi suất cho vay: Nguyên đơn Tạ Tú L trình bày quá trình cho bị đơn vay tiền theo mức lãi suất 3%, 5% (trong đó khoản vay 390 triệu đồng lãi suất 3%/tháng và khoản vay 200 triệu đồng lãi 5%/tháng, vay 03 cây vàng lãi 3 triệu đồng/tháng. Nguyên đơn đã nhận tổng tiền lãi là 140.300.000 đồng. Lời thừa nhận của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh. Ngoài ra, lời khai này cũng phù hợp với giấy vay tiền ngày 19/5/2018 thể hiện rõ lãi vay là 6.000.000 đồng/tháng/200.000.000 đồng, tương đương lãi suất 3%/tháng. Mức lãi suất mà bị đơn trả cho nguyên đơn vượt quá mức lãi suất vay quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm). Cụ thể:

Lần 1: Số tiền vay 200 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, tổng lãi chị L đã nhận của chị P đến hết tháng 9/2019 là: 16 tháng x (3% x 200.000.000 đồng) = 96.000.000 đồng. Tiền lãi tối đa theo quy định là: 16 tháng x (20%/12 tháng x 200.000.000 đồng) = 53.333.333 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định là: 96.000.000 đồng - 53.333.333 đồng = 42.666.667 đồng. Số tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: 18 tháng x 1,66%/tháng x 200.000.000 đồng = 59.760.000 đồng.

Lần 2: Tháng 2/2019, số tiền vay là 30 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Tổng tiền lãi chị L đã nhận của chị P đến hết tháng 9/2019 là: 07 tháng x (3% x 30.000.000 đồng) = 6.300.000 đồng. Tiền lãi tối đa theo quy định là: 07 tháng x (20%/12 tháng x 30.000.000 đồng) = 3.500.000 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định là: 6.300.000 đồng - 3.500.000 đồng = 2.800.000 đồng. Số tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: 18 tháng x 1,66%/tháng x 30.000.000 đồng = 8.964.000 đồng.

Lần 3: Tháng 3/2019, tài sản vay là 03 cây vàng, dạng nhẫn trơn (03 chiếc nhẫn), loại vàng 9999 (24K). Tiền lãi thỏa thuận là 03 triệu đồng/tháng (2,86%/tháng). Chị P trả lãi đến tháng 9/2019, tổng tiền lãi là: 06 tháng x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Lần 4: Tháng 6/2019, số tiền vay là 100 triệu đồng, lãi suất 3%/tháng. Tổng tiền lãi chị L đã nhận của chị P đến hết tháng 9/2019 là: 03 tháng x (3% x 100.000.000 đồng) = 9.000.000 đồng. Tiền lãi tối đa theo quy định là: 03 tháng x (20%/12 tháng x 100.000.000 đồng) = 5.000.000 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định là: 9.000.000 đồng - 5.000.000 đồng = 4.000.000 đồng. Số tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: 18 tháng x 1,66%/tháng x 100.000.000 đồng = 29.880.000 đồng.

Lần 5: Tháng 7/2019, số tiền vay là 100 triệu đồng, lãi suất 3%/tháng, Tổng tiền lãi chị L đã nhận của chị P đến hết tháng 9/2019 là: 02 tháng x (3% x 100.000.000 đồng) = 6.000.000 đồng. Tiền lãi tối đa theo quy định là: 02 tháng x (20%/12 tháng x 100.000.000 đồng) = 3.333.333 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định là: 6.000.000 đồng - 3.333.333 đồng = 2.666.667 đồng. Số tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: 18 tháng x 1,66%/tháng x 100.000.000 đồng = 29.880.000 đồng.

Lần 6: Tháng 8/2019, số tiền vay 100 triệu đồng, lãi suất 5%/tháng. Tổng tiền lãi chị L đã nhận của chị P đến hết tháng 9/2019 là: 01 tháng x (5% x

$100.000.000 \text{ đồng} = 5.000.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi tối đa theo quy định là: $01 \text{ tháng} \times (20\%/12 \text{ tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng}) = 1.666.666 \text{ đồng}$. Số tiền lãi vượt quá quy định là: $5.000.000 \text{ đồng} - 1.666.666 \text{ đồng} = 3.333.334 \text{ đồng}$. Số tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: $18 \text{ tháng} \times 1,66\%/tháng \times 100.000.000 \text{ đồng} = 29.880.000 \text{ đồng}$.

Lần 7: Tháng 9/2019, số tiền vay 60 triệu đồng, lãi suất 5%/tháng. Chi P chưa trả lãi. Số tiền lãi chưa thanh toán nguyên đơn yêu cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: $18 \text{ tháng} \times 1,66\%/tháng \times 60.000.000 \text{ đồng} = 18.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi cho vay tiền nguyên đơn đã nhận từ bị đơn đến tháng 9/2019 là: 122.300.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt quá mức tối đa pháp luật quy định là: 55.466.668 đồng. Tổng tiền lãi bị đơn chưa trả từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 nay nguyên đơn yêu cầu là 176.364.000 đồng.

Nay nguyên đơn tự nguyện trả lại cho bị đơn số tiền lãi cho vay tiền vượt quá mức quy định và tiền lãi cho vay vàng, tổng cộng: $55.466.668 \text{ đồng} + 18.000.000 \text{ đồng} = 73.466.668 \text{ đồng}$. Số tiền này được khấu trừ vào tiền gốc còn phải thanh toán như sau: $747.710.000 \text{ đồng} - 73.466.668 \text{ đồng} = 674.243.332 \text{ đồng}$.

Mức lãi suất 1,66%/tháng như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với mức lãi suất tối đa pháp luật quy định, do đó buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi chưa thanh toán từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 là: 176.364.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Tú L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P trả cho chị Tạ Tú L tổng số tiền là 850.607.332 (tám trăm năm mươi triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng, bao gồm: nợ gốc là 674.243.332 (sáu trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng và tiền lãi là 176.364.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 37.518.219 (ba mươi bảy triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm mười chín) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Tạ Tú L 19.499.400 (mười chín triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048823 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân